

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 30/2000/ ND-CP ngày 11/8/2000 về việc bãi bỏ một số giấy phép và chuyển một số giấy phép thành điều kiện kinh doanh.

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10
ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của
doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý
nhà nước đối với doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và
Đầu tư,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.

1. Bãi bỏ các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép hành nghề, chứng chỉ hành nghề và giấy phép dưới các hình thức khác (sau đây gọi chung là giấy phép) được xác định trong Danh mục I (các giấy phép được bãi bỏ) thuộc Danh mục các giấy phép được bãi bỏ, các giấy phép chuyển thành điều kiện kinh doanh ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bãi bỏ các giấy phép được xác định trong Danh mục II (các giấy phép chuyển thành điều

kiện kinh doanh) thuộc Danh mục các giấy phép được bãi bỏ, các giấy phép chuyển thành điều kiện kinh doanh ban hành kèm theo Nghị định này. Chuyển việc cấp các giấy phép đó thành quy định điều kiện kinh doanh không cần giấy phép.

Điều 2.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm hoàn thành các việc sau đây trước ngày 01 tháng 10 năm 2000:

a) Tập hợp và công bố danh mục các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; công bố các điều kiện kinh doanh tương ứng đối với các ngành, nghề đó;

b) Công bố danh mục các giấy phép tiếp tục duy trì do luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; công bố các quy định về thủ tục, điều kiện, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thời hạn hiệu lực đối với từng loại giấy phép.

2. Trường hợp cần thiết, các Bộ, cơ quan kiến nghị sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh, nghị định có liên quan để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

DANH MỤC các giấy phép được bãi bỏ, các giấy phép chuyển thành điều kiện kinh doanh

(ban hành kèm theo Nghị định số 30/2000/NĐ-CP ngày 11/8/2000 của Chính phủ).

Danh mục I

CÁC GIẤY PHÉP ĐƯỢC BÃI BỎ

I. Ngành Địa chính - Nhà đất.

1. Giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà quy định tại Nghị định số 56/CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ ban hành Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

II. Ngành Giao thông vận tải.

2. Giấy phép hành nghề giao thông vận tải cấp cho hợp tác xã quy định tại Thông tư số 323/TT-GTVT ngày 03 tháng 10 năm 1997 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 45/CP ngày 29 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu hợp tác xã giao thông vận tải.

III. Ngành Hàng không dân dụng.

3. Giấy đăng ký văn phòng bán vé của Hãng Hàng không Việt Nam quy định tại Quy định số 913/CAAV ngày 10 tháng 5 năm 1994 của Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam về quản lý hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam.

IV. Ngành Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

4. Giấy chứng nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Nghị định số 63/CP ngày 24 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp.

V. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Giấy phép xuất khẩu thức ăn gia súc quy

định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

6. Giấy chứng nhận đăng ký sản phẩm thức ăn gia súc sản xuất quy định tại Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa.

7. Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi (đôi với loại thông thường) quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

8. Giấy hành nghề sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

9. Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng đôi với loại thông thường quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

10. Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng để phục vụ cho quảng cáo quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

11. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng đôi với việc bán hàng rời quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

12. Giấy chứng nhận hành nghề dịch vụ thú y cấp cho tổ chức quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

13. Giấy chứng nhận hành nghề về bảo vệ thực vật quy định tại Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

VI. Ngành Tài chính.

14. Giấy phép hành nghề kiểm toán quy định tại Thông tư số 04/1999/TT-BTC ngày 12 tháng 1

năm 1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký hành nghề kiểm toán trong các tổ chức kiểm toán độc lập.

VII. Ngành Thủy sản.

15. Giấy phép sản xuất thức ăn thủy sản quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

16. Giấy phép kinh doanh thức ăn thủy sản quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

17. Giấy phép nhập khẩu thức ăn cho động vật thủy sản (đối với loại thức ăn thông thường) quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

18. Giấy phép xuất khẩu thuốc thú y thủy sản, thuốc bán thành phẩm quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

19. Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y thủy sản, thuốc bán thành phẩm (đối với loại thông thường) quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

20. Giấy phép xuất nhập khẩu giống và động vật thủy sản sống (đối với loại thông thường) quy định tại Nghị định số 14/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý giống vật nuôi.

21. Giấy phép di chuyển lực lượng khai thác (nơi đến) quy định tại Quyết định số 682/QĐ-TS ngày 11 tháng 9 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về Giấy phép di chuyển ngư trường.

22. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho tàu cá quy định tại Quyết định số 413/QĐ-BVNL ngày 01 tháng 4 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành thể lệ đăng ký tàu cá, thuyền viên.

VIII. Ngành Văn hóa - Thông tin.

23. Giấy phép chiếu phim, băng đĩa hình quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

24. Giấy phép mở cửa hàng băng đĩa nhạc quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

25. Giấy phép hành nghề in lưới (in lụa thủ công) quy định tại Nghị định số 79/CP ngày 06 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Xuất bản.

26. Giấy phép phát hành sách báo đối với cơ sở bán lẻ và đại lý bán lẻ sách báo quy định tại Nghị định số 79/CP ngày 06 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Xuất bản.

IX. Ngành Du lịch.

27. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch.

Danh mục II

CÁC GIẤY PHÉP CHUYỂN THÀNH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

I. Ngành Công an.

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy (trừ một số ít ngành, nghề có yêu cầu đặc biệt về phòng cháy, chữa cháy như: kinh doanh khí đốt, chất lỏng dễ cháy, khách sạn, văn phòng cho thuê, chợ, trung tâm thương mại cao trên 10 tầng thì phải được cơ quan phòng cháy, chữa cháy có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trước khi bắt đầu hoạt động) quy định tại Nghị định số 17/CP ngày 23 tháng 12 năm 1992 của Chính phủ về việc quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt.

II. Ngành Công nghiệp.

2. Giấy phép hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Nghị định số 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản.

III. Ngành Giao thông vận tải.

3. Giấy phép hành nghề vận tải biển cấp cho hợp tác xã quy định tại Thông tư số 323/TT-GTVT ngày 03 tháng 10 năm 1997 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 45/CP ngày 29 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu hợp tác xã giao thông vận tải.

4. Giấy phép hành nghề thiết kế phương tiện thủy nội địa quy định tại Nghị định số 40/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

IV. Ngành Hàng không dân dụng.

5. Chứng chỉ đủ điều kiện bán chứng từ vận chuyển hàng không (vé hành khách và vận đơn hàng không) quy định tại Quy định số 913/CAAV ngày 10 tháng 5 năm 1994 của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về quản lý hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam.

V. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Giấy phép kinh doanh giống cây trồng quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

7. Giấy phép khảo nghiệm giống quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

8. Giấy phép sản xuất thử giống mới quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

9. Giấy phép sản xuất thử đối với giống chưa được công nhận quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

10. Giấy phép sản xuất giống cây trồng quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

11. Giấy công nhận đủ điều kiện sản xuất giống cây trồng quy định tại Nghị định số 07/CP ngày 05 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.

12. Giấy cho phép sản xuất thức ăn mới cho gia súc quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

13. Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

14. Giấy phép sản xuất giống vật nuôi quy định tại Nghị định số 14/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống vật nuôi.

15. Giấy chứng nhận đủ điều kiện giết mổ gia súc, gia cầm quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

16. Giấy phép hành nghề về thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

17. Giấy phép kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

18. Giấy phép sản xuất thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

19. Giấy phép gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

VI. Ngành Thủy sản.

20. Giấy phép sản xuất thử nghiệm thức ăn cho động vật thủy sản loại mới quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về việc quản lý thức ăn chăn nuôi.

21. Giấy phép sản xuất thử nghiệm giống thủy sản nội địa mới quy định tại Nghị định số 14/CP ngày 19 tháng 3 năm 1996 của Chính phủ về quản lý giống vật nuôi.

22. Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất và kinh doanh giống thủy sản quy định tại Quyết định số 166-TS/QĐ ngày 12 tháng 6 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế về quản lý giống nuôi trồng thủy sản.

23. Giấy phép sản xuất thử nghiệm thuốc thú y thủy sản loại mới quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

24. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuốc thú y thủy sản đối với cửa hàng, đại lý quy định tại Nghị định số 93/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y.

25. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa.

VII. Ngành Văn hóa - Thông tin.

26. Giấy phép thành lập cơ sở chiếu phim, băng đĩa hình quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

27. Giấy đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

28. Giấy đăng ký biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

29. Giấy phép nhân bản băng, đĩa nhạc quy định tại Nghị định số 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

30. Giấy phép phát hành xuất bản phẩm quy định tại Nghị định số 79/CP ngày 06 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Xuất bản.

31. Giấy phép hoạt động dịch vụ bản quyền tác giả quy định tại Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự.

VIII. Ngành Y tế.

32. Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề xoa bóp quy định tại Thông tư số 19/TT-BYT ngày 21 tháng 12 năm 1995 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý dịch vụ xoa bóp.

33. Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất muối ăn quy định tại Nghị định số 19/1999/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng muối iốt cho người ăn.

IX. Ngành Xây dựng.

34. Giấy đăng ký hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI